

Số: 01/2023/QĐST-LĐ

TP. T, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Tuyết.

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-VDS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐ-MPH ngày 11 tháng 8 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Dương Thị M, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1. Công ty TNHH may H (Trước đây là Công ty TNHH May N); Địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật - Ông Du Li P - Tổng giám đốc Công ty TNHH may H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Trưởng phòng nhân sự Công ty TNHH may H (Văn bản ủy quyền ngày 02/8/2023).

2.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình; Địa chỉ: Đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thái M1 - Trưởng phòng quản lý Thu - Sở, Thẻ Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình (Văn bản ủy quyền số 10/UQ-BHXH ngày 28/7/2023).

2.3. Chị Dương Thị T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên họp vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai người yêu cầu, chị Dương Thị M trình bày:*

Năm 2008, chị Dương Thị M ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH May N, công việc chính là phụ may, đến tháng 3/2010 thì chị M nghỉ việc tại Công ty. Chị M chưa làm chứng minh thư nhân dân, do không hiểu biết pháp luật nên khi ký hợp đồng lao động với Công ty chị M đã mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của em gái chị M là chị Dương Thị T để ký hợp đồng. Mặc dù trên thực tế chị M là người ký hợp đồng và làm việc tại Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị M và Công ty, người lao động tên là Dương Thị T (tên em gái chị M) và Sổ bảo hiểm xã hội của chị M đóng thời gian này mang tên em gái chị M là chị Dương Thị T, số sổ bảo hiểm 3409001567. Sau đó, đến ngày 04/4/2011, chị M đã làm thủ tục hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần đối với thời gian làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH May N, số tiền hưởng trợ cấp là 3.321.108 đồng. Đến nay, khi em gái chị M làm thủ tục thanh toán trên sổ bảo hiểm xã hội của em gái chị M, số sổ 2606001791 thì được cơ quan bảo hiểm trả lời em gái chị M còn 01 sổ bảo hiểm số 3409001567, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010, thời gian đóng tại sổ bảo hiểm 3409001567 trùng với thời gian đóng tại sổ bảo hiểm xã hội 2606001791, do đó Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị Dương Thị T được. Vì vậy, chị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) và Công ty TNHH May N trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 là vô hiệu do có sự lừa dối khi ký hợp đồng và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty TNHH may H trình bày:*

Công ty TNHH may H trước đây là Công ty TNHH May N, từ ngày 07/8/2017 đổi tên thành Công ty TNHH may T, đến ngày 16/12/2021 đổi tên thành Công ty TNHH may H.

Đối với dữ liệu về ký hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH May N và chị Dương Thị T trong khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010,

do hiện người lao động đã nghỉ việc tại Công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu trữ hồ sơ, vì vậy hiện tại công ty không còn lưu trữ hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho Tòa án theo như yêu cầu.

Về số tiền bảo hiểm Công ty TNHH May N đã đóng cho chị Dương Thị T trong khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010, đề nghị Tòa án làm việc với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình để được cung cấp thông tin, số tiền cho chính xác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Bình trình bày: Bà Dương Thị T, sinh ngày 25/12/1981 Mã số BHXH: 3409001567. Bà Thơm có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty TNHH May N do Bảo hiểm xã hội tỉnh quản lý thu từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010, đã đóng số tiền BHXH, BHYT, BHTN là 5.974.005 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 4.318.980 đồng, người lao động đóng 1.655.025 đồng. Thời gian tham gia BHXH từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 đã hưởng BHXH một lần số tiền 3.321.108 đồng theo Quyết định số 114/QĐ-BHXH ngày 04/4/2011 của BHXH thành phố Thái Bình. Thời gian tham gia BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 3/2010 là 01 năm 03 tháng, đang bảo lưu quá trình tham gia.

Bảo hiểm xã hội tỉnh không có hồ sơ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Dương Thị M, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình như nội dung thông báo của Tòa án thành phố Thái Bình. Việc bà Dương Thị M trình bày mượn hồ sơ của bà Dương Thị T để giao kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN, nay bà Dương Thị M đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Dương Thị M (bằng tên của em gái Dương Thị T) với Công ty TNHH May N trong khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 vô hiệu, đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc cung cấp Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH May N với bà Dương Thị T từ thời điểm tháng 4/2008 đến tháng 3/2010: Do thời gian đã lâu, chuyển kho lưu trữ hồ sơ nhiều lần, gặp mưa bão dẫn đến hồ sơ bị ẩm mốc, mỗi một nên hiện nay Bảo hiểm xã hội tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động của người lao động, đề nghị Tòa án liên hệ với Công ty TNHH May N hoặc cá nhân bà Dương Thị T để có hợp đồng lao động của bà Dương Thị T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Dương Thị T trình bày:

Năm 2008, chị gái chị T là chị Dương Thị M ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH May N, đến tháng 3/2010 thì chị M nghỉ việc. Do không hiểu biết pháp luật khi đó chị M chưa làm chứng minh thư nhân dân nên chị T đã cho chị M mượn chứng minh thư nhân dân của chị T để chị M ký hợp đồng lao động với Công ty. Vì vậy mặc dù trên thực tế chị M là người ký hợp đồng làm việc tại

Công ty nhưng trên hợp đồng lao động giữa chị M và Công ty người lao động họ tên là Dương Thị T và sổ bảo hiểm xã hội chị M đóng thời gian này mang tên là Dương Thị T, số sổ bảo hiểm 3409001567. Ngày 04/4/2011 chị M làm thủ tục hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đối với thời gian làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty, số tiền trợ cấp là 3.321.108 đồng. Đến nay khi chị T làm thủ tục thanh toán trên sổ bảo hiểm xã hội của chị T, số sổ 2606001791 thì được cơ quan bảo hiểm trả lời chị T còn một sổ bảo hiểm số 3409001567, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010, thời gian đóng tại sổ bảo hiểm 3409001567 trùng với thời gian đóng tại sổ bảo hiểm xã hội 2606001791, do đó Bảo hiểm xã hội chưa xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của chị T được. Vì vậy chị Dương Thị M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa chị Dương Thị M (Họ tên ghi trong hợp đồng lao động là Dương Thị T) và Công ty TNHH May N trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 là vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định của pháp luật, chị T đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào các Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị M, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH May N và chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 là vô hiệu toàn bộ và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH May N (nay là Công ty TNHH may H) có địa chỉ: Đường D, khu công nghiệp K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vì vậy Tòa án thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Áp dụng pháp luật: Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH May N và chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) vào năm 2008 nên áp dụng

Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[3]. Về nội dung:

* Xét yêu cầu của chị Dương Thị M đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) và Công ty TNHH May N trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 là vô hiệu thì thấy: Theo văn bản số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 của Bộ lao động - Thương binh và xã hội gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động thì thấy: Việc chị Dương Thị M mượn giấy tờ (chứng minh thư nhân dân) của em gái chị M là Dương Thị T để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH May N là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Dương Thị M là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận.

* Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ:

Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Dương Thị M (Hồ sơ mượn tên chị Dương Thị T) với Công ty TNHH May N nhưng trên thực tế chị M có làm việc tại Công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc Công ty có đóng bảo hiểm cho chị M (mang tên chị T), sổ sổ bảo hiểm là 3409001567, khi chị M nghỉ việc đã được cơ quan Bảo hiểm xã hội trả trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần đối với thời gian làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty, số tiền trợ cấp là 3.321.108 đồng. Về phía cơ quan Bảo hiểm xã hội và Công ty TNHH May N (nay là Công ty TNHH May H) cũng không có yêu cầu cụ thể về việc chị Dương Thị M phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội. Do đó cần giao cho các cơ quan chức năng có liên quan đến hợp đồng lao động đã ký giữa chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) với Công ty TNHH May N (nay là Công ty TNHH May H) điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Dương Thị M: Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH May N (nay là Công ty TNHH May H) và chị Dương Thị T (do chị Dương Thị M ký) trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2010 là vô hiệu toàn bộ.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu toàn bộ: Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001502 ngày 10/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định này.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Chu Thị Tuyết